

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- *Dự án thành phần 01*: Xây dựng khu Tái định cư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội phường Vạn Xuân (Khu số 1).

- *Thuộc dự án*: Khu Tái định cư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội phường Vạn Xuân (Khu số 1).

- *Địa điểm thực hiện dự án*: phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên

- *Chủ dự án*: **Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Giao thông và Nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên**

+ Địa chỉ liên hệ: Tổ 15, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

+ Điện thoại: 0983 481 388

+ Đại diện: Ông **Bùi Tiến Chính** - Chức vụ: Giám đốc

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi

Đánh giá tác động môi trường và đề xuất các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường của việc triển khai thực hiện dự án Khu Tái định cư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội phường Vạn Xuân (Khu số 1) với quy mô diện tích 434.478,22m², đáp ứng nhu cầu nhà ở khoảng 5.100 người, gồm các hoạt động:

+ Các tác động trong giai đoạn chuẩn bị Dự án (giải phóng mặt bằng, đào đắp san gạt mặt bằng); các tác động từ quá trình thi công đối với từng hạng mục công trình của Dự án.

+ Các tác động khi Dự án đi vào vận hành.

1.2.2. Quy mô

- Diện tích đất thực hiện dự án khoảng 434.478,22m² (43,44ha)

- Quy mô dân số: 5.100 người.

1.2.3. Công suất

- Diện tích đất dự án: 434.478,22m² (43,44ha). Cụ thể cơ cấu sử dụng đất của dự án như sau:

Bảng 1. Cơ cấu sử dụng đất của Dự án

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ %
I	Đất ở	127.258,16	29,29
II	Đất hiện trạng	47.096,29	10,84
III	Đất công trình hạ tầng xã hội	30.771,11	7,08
1	Đất cây xanh mặt nước	82.976,43	19,10
2	Đất văn hóa	2.691,58	0,62
3	Đất y tế	2.655,44	0,61
4	Đất giáo dục	17.409,57	4,01
IV	Đất cây, mặt nước	82.976,43	19,10
1	Cây xanh	63.775,44	14,68
2	Mặt nước	19.200,99	4,42
V	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	23.441,49	5,40
1	Hạ tầng kỹ thuật	7.588,04	1,75
1.1	Trạm XLNT tập trung	4.550,00	1,05
1.2	Đất HTKT sau lô đất	3.038,04	0,70
2	Hành lang an toàn điện 110KV	15.853,45	3,65
VI	Đất giao thông	122.913,74	28,29
1	Đường giao thông	107.593,37	24,77
2	Bãi đỗ xe	15.320,37	3,53
	Tổng	434.457,22	100

1.3. Công nghệ sản xuất

- Phương án đầu tư xây dựng:

+ Chủ đầu tư đầu tư xây dựng toàn bộ hệ thống hạ tầng trong phạm vi ranh giới của dự án theo quy hoạch được phê duyệt, đảm bảo đồng bộ, kết nối với hạ tầng kỹ thuật ngoài phạm vi dự án.

Sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng dự án theo quy định của pháp luật. Công trình xử lý nước thải cục bộ chung của dự án Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức vận hành ổn định trước khi bàn giao lại cho địa phương quản lý.

Do vậy, Dự án không có quy trình sản xuất, vận hành.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình chính của dự án gồm:

- + Hạng mục san nền
- + Hạng mục đường giao thông
- + Hạng mục cấp điện
- + Hạng mục cấp nước
- + Hạng mục thông tin liên lạc

- Hạng mục công trình phụ trợ của dự án là hạng mục cây xanh gồm cây xanh cảnh quan, cây xanh bóng mát tại các tuyến đường giao thông.

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường của dự án gồm:

+ Hệ thống thoát nước mưa

+ Hệ thống thoát nước thải

+ Trạm xử lý nước thải tập trung

- Các hoạt động của dự án gồm:

+ Giai đoạn chuẩn bị thi công, xây dựng hạ tầng kỹ thuật; Hoạt động san lấp mặt bằng; Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; Thi công xây dựng các hạng mục công trình;

+ Giai đoạn Dự án vận hành: Hoạt động sinh sống của dân cư; Hoạt động của các công trình dịch vụ, công cộng; Vệ sinh môi trường.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Theo Khoản 4, điều 25, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì khu vực dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường là:

Dự án sẽ đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải có công suất 1.200m³/ngày.đêm, nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 1, F≤2000m³/ngày, cột A) được xả ra nguồn tiếp nhận. Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án dự kiến xả suối Văn Dương sau đó đổ vào sông Cầu cách dự án khoảng 5km.

Căn cứ vào Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023 quy định nguồn nước mặt sông Cầu là nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; Căn cứ khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định: Dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước..." được xác định là yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

- Khu đất thuộc địa phận phường Vạn Xuân. Diện tích dự án khoảng 434.478,22 m². Vị trí tiếp giáp các bên như sau:

+ Phía Đông: Giáp suối Rẻo và suối Giao.

+ Phía Tây: Giáp Khu tái định cư An Thái Bình và đường 47m.

+ Phía Nam: Giáp đường quy hoạch Đ.47M.

+ Phía Bắc: Giáp khu công nghiệp Yên Bình.

- Tọa độ các điểm ranh giới khu vực dự án như sau:

Bảng 2. Tọa độ Ranh giới dự án nằm bên phải tuyến đường 47M với diện tích 41,36ha

STT	X	Y	Tên cọc
1	2369672.758	437674.821	M1
2	2369681.355	437683.758	M2
3	2369713.419	437875.455	M3
4	2369697.468	437886.056	M4
5	2369709.562	437920.642	M5
6	2369708.479	437963.447	M6
7	2369666.987	437946.817	M7
8	2369660.738	437981.791	M8
9	2369644.656	437986.856	M9
10	2369594.975	437973.763	M10
11	2369564.707	438003.808	M11
12	2369507.783	438110.818	M12
13	2369448.205	438147.205	M13
14	2369421.893	438146.025	M14
15	2369382.407	438163.235	M15
16	2369358.625	438098.807	M16
17	2369322.641	438095.605	M17
18	2369284.048	438150.923	M18
19	2369237.103	438201.995	M19
20	2369201.722	438224.230	M20
21	2369157.147	438231.432	M21
22	2369110.658	438262.939	M22
23	2369099.257	438240.689	M23
24	2368914.290	437892.816	M24
25	2368839.685	437690.884	M25
26	2368814.299	437542.596	M26
27	2368822.280	437533.885	M27
28	2368912.115	437544.111	M28
29	2369004.326	437546.538	M29
30	2369250.616	437584.843	M30
31	2369361.940	437617.128	M31
32	2369602.694	437666.316	M32

Bảng 3. Tọa độ Ranh giới dự án nằm bên trái tuyến đường 47M với diện tích 2,08ha

STT	X	Y	Tên cọc
33	2369327.291	437562.084	M33
34	2369337.889	437565.156	M34
35	2369364.123	437572.656	M35
36	2369458.382	437595.643	M36

STT	X	Y	Tên cọc
37	2369553.925	437612.386	M37
38	2369578.788	437615.855	M38
39	2369578.420	437613.774	M39
40	2369577.040	437610.614	M40
41	2369576.357	437609.449	M41
42	2369577.912	437609.661	M42
43	2369577.420	437608.664	M43
44	2369574.520	437603.604	M44
45	2369572.300	437599.544	M45
46	2369574.590	437598.174	M46
47	2369575.441	437597.961	M47
48	2369587.470	437594.954	M48
49	2369585.800	437588.864	M49
50	2369584.365	437584.979	M50
51	2369579.303	437584.979	M51
52	2369579.303	437566.479	M52
53	2369595.019	437566.479	M53
54	2369595.019	437551.548	M54
55	2369569.369	437551.548	M55
56	2369569.369	437536.479	M56
57	2369574.428	437536.479	M57
58	2369574.370	437531.934	M58
59	2369577.440	437531.764	M59
60	2369579.720	437531.844	M60
61	2369580.610	437527.534	M61
62	2369581.620	437522.134	M62
63	2369580.460	437521.784	M63
64	2369579.580	437521.714	M64
65	2369576.720	437521.284	M65
66	2369574.050	437520.824	M66
67	2369574.680	437517.384	M67
68	2369575.569	437511.460	M68
69	2369403.335	437511.398	M69
70	2369403.336	437499.384	M70
71	2369383.206	437504.753	M71
72	2369370.371	437509.563	M72
73	2369354.204	437514.060	M73
74	2369317.997	437520.798	M74
75	2369320.467	437534.070	M75

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư

Các hạng mục công trình của dự án được thực hiện tại giai đoạn thi công xây dựng với các hoạt động có khả năng tác động xấu đến môi trường và các hoạt động có khả năng tác động xấu đến môi trường trong giai đoạn vận hành dự án được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 4. Những nguồn gây tác động từ các hoạt động của Dự án

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động	Các yếu tố môi trường có khả năng phát sinh
Chuẩn bị thi công, xây dựng HTKT	<ul style="list-style-type: none"> - Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị - Thi công xây dựng các hạng mục công trình 	<ul style="list-style-type: none"> - Bụi, khí thải do các hoạt động đào đắp, xây dựng và vận chuyển nguyên vật liệu - Nước thải sinh hoạt, nước thải thi công và nước mưa chảy tràn - Chất thải rắn sinh hoạt, phế thải xây dựng. - Tiếng ồn - Tác động đến KT-XH (an ninh trật tự, vấn đề XH khác) - Sự cố, rủi ro
Khu dân cư đi vào hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động sinh sống của dân cư - Hoạt động của các công trình dịch vụ, công cộng - Hoạt động vệ sinh môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Bụi và khí thải độc hại của các phương tiện ra vào khu dân cư. - Mùi hôi phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung, hệ thống thu gom rác thải, nước thải. - Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, các công trình dịch vụ, công cộng; nước mưa chảy tràn. - Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của các hộ dân, các công trình dịch vụ, công cộng. - Vấn đề an ninh trật tự khu vực. - Các rủi ro, sự cố: Cháy nổ, dịch bệnh, thiên tai,...

2.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

Bảng 5. Quy mô, tính chất của các loại chất thải phát sinh từ dự án

STT	Chất thải phát sinh	Quy mô, tính chất
A	Giai đoạn triển khai xây dựng dự án	
1	Nước mưa chảy tràn	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc trưng ô nhiễm nước mưa là BOD₅ khoảng: 35 - 50 mg/l; TSS khoảng: 1500 - 1800 mg/l. - Ảnh hưởng đến nước mặt và hệ thống mương thoát nước tưới tiêu trong khu vực dự án và khu vực xung quanh.

STT	Chất thải phát sinh	Quy mô, tính chất
	Nước thải sinh hoạt	Chủ yếu chứa các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (đặc trưng bởi BOD và COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật gây bệnh. Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý theo đúng quy định nên không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt của khu vực.
	Nước thải thi công, nước rửa lốp xe ra khỏi dự án	<ul style="list-style-type: none"> - Nước thải thi công thường có chứa vôi vữa, xi măng, đây là nguyên nhân làm cho pH của nước cao. Tuy nhiên, lượng nước thải phát sinh không nhiều, không ảnh hưởng nhiều đến khu vực xung quanh. - Nước thải rửa lốp xe có chứa đất cát, TSS,... Tuy nhiên, lượng nước thải phát sinh không nhiều và được sử dụng tuần hoàn, không ảnh hưởng nhiều đến tưới tiêu và khu vực xung quanh.
2	Khí thải	<ul style="list-style-type: none"> - Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động dọn dẹp thực bì và phá dỡ các công trình nhà ở. - Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đào đắp nền, san gạt mặt bằng, từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng và từ các hoạt động xây dựng công trình; Khí thải phát sinh do quá trình đốt cháy nhiên liệu của các phương tiện, máy móc thi công. - Các loại khí thải phát sinh (SO_2, NO_x, CO) ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt, sản xuất, môi trường sống của người dân và ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí chung do hiệu ứng nhà kính.
3	Chất thải rắn	<ul style="list-style-type: none"> - Phế thải xây dựng gồm vỏ bao xi măng, gỗ vụn, gạch đá, vật liệu rơi vãi, công trình tháo dỡ... tất cả đều có thể được tận dụng cho các mục đích khác mà không thải bỏ nên tác động gây ra là không đáng kể. Các ảnh hưởng diễn ra chủ yếu trên diện tích dự án và xung quanh khu vực. Các chất vô cơ trong đất đá thải, trong nước mưa chảy tràn làm cho đất trở nên chai cứng, biến chất và thoái hoá. - Chất thải rắn sinh hoạt của các công nhân tại khu vực thi công có thành phần gồm các chất hữu cơ, giấy vụn các loại, nilon, nhựa, kim loại,... khi thải vào môi trường các chất thải này sẽ phân hủy hoặc không phân hủy sẽ làm gia tăng nồng độ các chất ô nhiễm làm ô nhiễm môi trường nước, gây hại cho hệ vi sinh vật đất, tạo điều kiện cho ruồi, muỗi phát triển và lây lan dịch bệnh. - Các loại CTNH như dầu mỡ rơi vãi, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn neon hỏng, thùng chứa nhựa đường. Quy mô tác động của CTNH sẽ làm ô nhiễm đất và cuốn theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận.
4	Các tác	- Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động thi công san gạt mặt bằng,

STT	Chất thải phát sinh	Quy mô, tính chất
	động khác	xây dựng các công trình phụ trợ, từ máy móc hoạt động trên công trường thi công... - Độ rung từ các máy móc hoạt động thi công trên công trường, làm ảnh hưởng khó chịu, phiền toái cho công nhân và người dân trong khu vực. - Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội, vấn đề an ninh xã hội.
B Giai đoạn dự án đi vào hoạt động		
1	Nước mưa chảy tràn	- Làm tăng lượng nước bề mặt trong khu vực, tăng nguy cơ ngập úng ở địa phương đồng thời làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái xung quanh hệ thống mương.
	Nước thải sinh hoạt	- Phát sinh 710m ³ /ngày.đêm được thu gom và xử lý tại Hệ thống XLNT công suất 1.200m ³ /ngày (Phù hợp với Quy hoạch chung). Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT (Bảng 1, F≤2000m ³ /ngày, cột A) trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.
2	Khí thải	- Khí thải từ các phương tiện giao thông như bụi, C _x H _y , CO, NO ₂ , SO ₂ gây tác động cộng hưởng về lâu dài đến chất lượng môi trường không khí khu vực. - Mùi hôi từ trạm xử lý nước thải, khu tập kết rác có phát sinh mùi hôi khó chịu. Tuy nhiên, phạm vi ảnh hưởng không nhiều.
3	Chất thải rắn	- Chất thải rắn phát sinh khoảng 5.610kg/ngày. Quy mô ảnh hưởng đến môi trường sống, mất mỹ quan khu dân cư. - Lượng bùn thải từ hệ thống XLNT phát sinh chủ dự án sẽ thuê đơn vị chức năng đến hút bùn cặn và vận chuyển đi xử lý theo quy định (thực hiện phân tích xác định mức độ nguy hại). - Chất thải nguy hại: dầu thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn hỏng, bình ắc quy, đồ điện tử... được thu gom và thuê đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định.
4	Các tác động khác	- Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội: Bên cạnh những lợi ích kinh tế - xã hội mà dự án đem lại thì việc triển khai dự án còn có thể gây ra một số tác động tiêu cực như: Gia tăng tệ nạn xã hội và các bệnh xã hội khác, mất an ninh trật tự khu vực, gây mâu thuẫn giữa người dân đang cư trú và những người mới đến... - Tác động do các rủi ro, sự cố: Một số sự cố có thể xảy ra trong giai đoạn khu dân cư đi vào hoạt động như sự cố cháy nổ, sự cố về bảo lụt, sấm sét, sự cố sụt lún công trình, sự cố ùn tắc hệ thống thoát nước, sự cố lây bệnh hiểm nghèo và nguy cơ lan truyền mầm bệnh, sự cố trạm xử lý nước thải.

2.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

Bảng 6. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

STT	Loại hình môi trường	Công trình bảo vệ MT
A	Giai đoạn triển khai xây dựng dự án	
1	Nước mưa chảy tràn	Thoát nước theo địa hình tự nhiên của khu vực. Khơi thông, làm sạch các rãnh, mương thoát nước định kỳ.
2	Nước thải sinh hoạt	Phát sinh 2,5m ³ /ngày.đêm. Chủ dự án thuê 2 nhà vệ sinh di động có dung tích 3000l/nhà và thuê đơn vị có chức năng hút xử lý.
3	Nước thải thi công, nước rửa lớp xe	<ul style="list-style-type: none"> - Bố trí khoảng 2-3 thùng phuy chứa nước phục vụ rửa dụng cụ xây dựng, sau đó nước này được tận dụng cho phun dập bụi. - Nước rửa lớp xe được chảy về hố lắng 20m³ (chia 2 ngăn) sau khi lắng lọc được tuần hoàn lại rửa xe mà không thải ra ngoài môi trường.
4	Khí thải	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng cọc và làm hàng rào bằng tôn che khu vực thi công giáp khu dân cư. - Đưa ra lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm. - Sử dụng các loại xe vận tải có động cơ đốt trong có hiệu suất cao, tải lượng khí thải nhỏ, độ ồn thấp. - Các ô tô vận tải phải thực hiện đúng các quy định giao thông chung: có bạt che phủ, không làm rơi vãi đất đá, vật liệu thải bỏ để hạn chế tối đa sự phát thải bụi ra môi trường. - Bố trí người điều khiển giao thông, sử dụng phương tiện chuyên chở phù hợp với quy định tải trọng của đường xá khu vực dự án.
5	Chất thải rắn	<ul style="list-style-type: none"> - Đất bóc hữu cơ: Sử dụng cho trồng cây xanh trong khu vực. - CTR sinh hoạt: Thu gom vào thùng chứa 120l có nắp đậy và thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý. - CTR xây dựng: được tận dụng, tái sử dụng tối đa cho các hoạt động xây dựng, san lấp. Phần còn lại được thu gom và thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý. - CTR nguy hại: Thu gom đựng vào 03 thùng phi 120l có nắp đậy, dán nhãn và biển cảnh báo. Đặt trong khu vực có mái che và định kỳ thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý.
6	Tiếng ồn, độ rung	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các thiết bị có mức gây ồn thấp, thời gian thi công hợp lý. - Trang bị bảo hộ lao động hạn chế hoặc chống ồn như mũ bảo hiểm, chụp tai... - Đối với các thiết bị có độ ồn lớn, chống rung lan truyền bằng dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm

STT	Loại hình môi trường	Công trình bảo vệ MT
		chân hay gói đàn hồi cao su...
7	Sự cố môi trường	Luôn có kế hoạch ứng phó với các sự cố môi trường như ngập úng, an toàn lao động, sự cố cháy nổ, sự cố trong hoạt động giao thông, vận chuyển và các sự cố thiên tai bất thường khác...
B	Giai đoạn dự án đi vào hoạt động	
1	Nước mưa chảy tràn	Hệ thống thoát nước gồm: thoát nước mặt trong dự án công BTCT D600, D800, D1000, D1200, D1500 với tổng chiều dài khoảng 6.328m
2	Nước thải sinh hoạt	Cống thoát nước thải BTCT D300, D400, D160 với tổng chiều dài khoảng 10.702m; 01 cửa xả.
3	Bụi và khí thải	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích đun nấu bằng các nguồn nhiên liệu sạch như điện, năng lượng mặt trời, lắp đặt hệ thống chụp hút khói... - Vệ sinh thường xuyên các tuyến đường trong khu dân cư, thu gom rác đúng lịch, hợp vệ sinh. - Bê tông hóa và trồng cây xanh, thảm cỏ tại các khu vực công cộng và khuôn viên chung làm giảm lượng bụi phát sinh...
4	Chất thải rắn	<ul style="list-style-type: none"> - CTR sinh hoạt: phát sinh 5.610 kg/ngày. Thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý. - Bùn thải từ hệ thống XLNT được thu gom và thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý. - CTR nguy hại: Thu gom quản lý tại các hộ gia đình sau đó và định kỳ thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý.
5	Sự cố môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Sự cố cháy nổ: trang bị các trang thiết bị, bình chữa cháy, trụ nước cứu hỏa. Tiến hành kiểm tra định kỳ và sửa chữa kịp thời. Huấn luyện PCCC theo định kỳ. - Sự cố do thiên tai: Ngập úng, bão lũ, sự cố do sét đều thực hiện theo đúng phương án quy hoạch, lắp đặt hệ thống thu lôi, chống sét... - Có phương án phòng chống sự cố sụt lún nhà cửa, tắc cống thoát nước, phòng chống lây lan dịch bệnh, sự cố điện từ trường ... - Sự cố với trạm xử lý nước thải: Cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình vận hành, giám sát. Thường xuyên kiểm tra, khắc phục ngay các sự cố. - Điểm trung chuyển rác thải: dùng chế phẩm EM khử trùng, làm sạch hợp vệ sinh. - Đảm bảo vấn đề an ninh xã hội và nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường.

2.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Dự án thực hiện xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung có công suất 1.200m³/ngày.đêm. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường 2020; Điểm b Khoản 2 Điều 97, Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Khoản 5, điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án thuộc đối tượng quan trắc tự động liên tục, quan trắc định kỳ và thực hiện quan trắc đối với giai đoạn vận hành thử nghiệm.

Bảng 7. Chương trình giám sát môi trường

STT	Vị trí	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải			
1	Nước thải đầu vào của HTXLNT	pH, BOD5 (20°C), COD, TSS, Amoni (tính theo N), Tổng N, tổng P, tổng Coliform, Sunfua (S ²⁻), dầu mỡ động vật, chất hoạt động bề mặt anion	01 lần/ngày lấy mẫu đầu tiên của 3 ngày liên tiếp	-
2	Nước thải đầu ra của HTXLNT		03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 14:2025/ BTNMT (Bảng 1, F≤2000m ³ /ngày, cột A)
II	Quan trắc nước thải định kỳ			
1	Nước thải đầu ra của HTXLNT	pH, BOD5 (20°C), COD, TSS, Amoni (tính theo N), Tổng N, tổng P, tổng Coliform, Sunfua (S ²⁻), dầu mỡ động vật, chất hoạt động bề mặt anion	3 tháng/lần	QCVN 14:2025/ BTNMT (Bảng 1, F≤2000m ³ /ngày, cột A)
III	Quan trắc nước thải tự động, liên tục			
1	Nước thải đầu ra của HTXLNT	Lưu lượng, pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni (tính theo N).	Liên tục	QCVN 14:2025/ BTNMT (Bảng 1, F≤2000m ³ /ngày, cột A)

3. Cam kết của Chủ dự án

- Cam kết các giải pháp và biện pháp bảo vệ môi trường được nghiêm túc thực hiện trong các giai đoạn hoạt động của dự án.

- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố và rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

- Cam kết báo cáo kịp thời đến cơ quan quản lý nhà nước khi xảy ra các sự cố môi trường.

- Cam kết phối hợp với chính quyền địa phương thường xuyên trao đổi, tham vấn, tiếp thu ý kiến phản ánh của nhân dân khu vực chịu tác động ảnh hưởng từ các hoạt động của dự án để kịp thời có biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động trong quá trình thi công, đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực.

- Cam kết bố trí mặt bằng kho bãi chứa nguyên liệu, phương tiện thiết bị thi công tại những điểm phù hợp hạn chế tối đa các tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường khu vực.

- Cam kết tổ chức thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng thiết kế được phê duyệt. Hạn chế sử dụng thiết bị gây ồn, rung lớn vào ban đêm và giờ cao điểm.

- Cam kết tổ chức thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng thiết kế được phê duyệt. Hạn chế sử dụng thiết bị gây ồn, rung lớn vào ban đêm và giờ cao điểm.

- Cam kết chỉ sử dụng đá, cát từ các mỏ được cấp phép khai thác khoáng sản hoặc quy hoạch cấp phép khai thác khoáng sản.

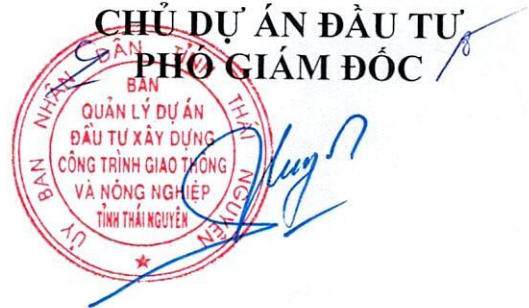
- Cam kết đổ đất hữu cơ, chất thải tháo dỡ công trình đúng vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, phù hợp với mục đích sử dụng đất. Thực hiện đúng quy trình đảm bảo không gây tác động, ảnh hưởng xấu đến môi trường tại khu vực tiếp nhận. Thực hiện san gạt đảm bảo không để cuộn trôi đất đá, chất thải xây dựng xuống sông, suối, mương tưới tiêu và các diện tích canh tác của nhân dân.

- Cam kết có kế hoạch duy tu, sửa chữa các tuyến đường bị xuống cấp do hoạt động thi công, vận chuyển của dự án; che phủ bạt thùng xe vận chuyển vật liệu, đất, đá thải khi tham gia giao thông; dọn dẹp, vệ sinh đất, đá thải rơi vãi trên các tuyến đường trong quá trình vận chuyển thực hiện các biện pháp để hạn chế nguồn phát sinh bụi và gây lầy lội khi mưa.

- Cam kết trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án thực hiện theo các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.

- Cam kết điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại quyết định phê duyệt ĐTM của dự án có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.



Nguyễn Thị Thanh Huyền

Ghi chú: Báo cáo ĐTM được niêm yết tại UBND cấp phường từ ngày tháng năm 2026.